

## Chương 2: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.

### 2.1 SX hàng hóa:

- *Khái niệm SX hàng hóa, SX tự cấp tự túc:*

Tiêu chí	SX Tự cung tự cấp	SX hàng hóa (ra đời cuối nguyên thủy – đầu nô lệ)
Mục đích SX	Để tiêu dùng cá nhân và gia đình	Sản xuất để trao đổi (bán)
Qui mô	Nhỏ	Lớn
Phương pháp sản xuất	Thủ công lạc hậu	Sử dụng phương pháp tiên tiến

- *2 điều kiện ra đời của SX hàng hóa:*

+ Có sự phân công lao động xã hội: các ngành, nghề,...

+ Chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất

- *3 đặc trưng của SX hàng hóa:*

*Thứ nhất*, Sản xuất hàng hóa là sản xuất để trao đổi

*Thứ hai*, lao động người sản xuất hàng hóa vừa mang tính chất tư nhân, vừa mang tính xã hội.

*Thứ ba*, mục đích sản xuất hàng hóa là giá trị

### 2.2. Hàng hóa:

- *Khái niệm hàng hóa:*

+ Là sản phẩm của lao động, có thể thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người thông qua trao đổi, mua bán

- *2 loại hàng hóa:*

+ Hàng hóa hữu hình: lương thực, quần áo, tư liệu sản xuất...

+ Hàng hóa vô hình: dịch vụ vận tải, dịch vụ khám chữa bệnh..

- *Hai thuộc tính của hàng hóa (khái niệm, đặc trưng, các yếu tố ảnh hưởng):*

	Giá trị sử dụng	Giá trị của hàng hóa
<b>Khái niệm</b>	+ Là công dụng của sản phẩm có thể thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người.	+ <i>Giá trị trao đổi</i> : là quan hệ tỷ lệ về lượng giữa một giá trị sử dụng này với một

		GTSD khác. + <i>Giá trị của hàng hoá</i> : là lao động của người sản xuất hàng hoá kết tinh trong hàng hoá.
<b>Đặc trưng</b>	4 đặc trưng: + GTSD do thuộc tính tự nhiên của vật quyết định. + GTSD là một phạm trù vĩnh viễn (không thay đổi) + GTSD của hàng hoá chỉ thể hiện khi tiêu dùng. + KHKT ngày càng phát triển -> nhiều GTSD/vật	2 đặc trưng: + GTHH là phạm trù lịch sử + GTHH biểu hiện quan hệ SX xã hội của người SX hàng hoá, tức là những quan hệ kinh tế giữa những người SX hàng hoá.
<b>MQH của 2 thuộc tính: mặt đối lập</b>	+ Mục đích của người mua + Thực hiện trong tiêu dùng + Thực hiện sau	+ Mục đích của người sản xuất + Tạo ra trong sản xuất + Thực hiện trước
<b>MQH của 2 thuộc tính: mặt thống nhất</b>	+ Cả 2 song song tồn tại không tách rời nhau + Đều do lao động tạo ra	

- *Tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hoá:*

	<b>Lao động cụ thể</b>	<b>Lao động trừu tượng</b>
<b>Khái niệm</b>	+ Là lao động có ích dưới một hình thức cụ thể của những nghề nghiệp chuyên môn nhất định. Có mục đích riêng, đối tượng riêng, phương pháp, phương tiện và kết quả riêng -> nhìn thấy được trong quá trình lao động (nhồi bột, cưa gỗ..)	+ Là lao động của người sản xuất hàng hoá nếu không kể đến hình thức cụ thể của nó như thế nào mà chỉ tính sự tiêu hao sức lực nói chung của con người (sức óc, thần kinh, cơ bắp) -> cái không nhìn thấy được, ở bên trong

<b>Đặc trưng</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Lao động cụ thể tạo ra giá trị sử dụng của sản phẩm.</li> <li>+ Lao động cụ thể là phạm trù vĩnh viễn.</li> <li>+ Xã hội càng phát triển thì càng tạo nhiều lao động cụ thể khác nhau.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Lao động trừu tượng tạo ra giá trị của hàng hoá.</li> <li>+ Lao động trừu tượng là một phạm trù lịch sử.</li> </ul>
------------------	--	--

*- Lượng giá trị của hàng hóa:*

+ *Khái niệm:* là số lượng lao động xã hội của người sản xuất hàng hoá kết tinh trong hàng hoá

+ *Thước đo:* là thời gian lao động xã hội cần thiết (là thời gian cần thiết để sản xuất ra 1 hàng hóa trong điều kiện trung bình của xã hội)

+ *2 nhân tố ảnh hưởng:*

- *Một là, năng suất lao động:*

- NSLĐ: là năng lực sản xuất của người lao động, là hiệu quả hay hiệu suất của lao động, được tính bằng số lượng sản phẩm được tạo ra trên một đơn vị thời gian hoặc lượng thời gian cần thiết tiêu hao trên một đơn vị sản phẩm -> tỉ lệ nghịch với Lượng giá trị / 1 đơn vị sản phẩm
- CDLĐ: là mức độ khẩn trương, nặng nhọc, căng thẳng trong một đơn vị thời gian -> không ảnh hưởng đến Lượng giá trị / 1 đơn vị sản phẩm

- Hai là, mức độ phức tạp của lao động: lao động giản đơn và lao động phức tạp (là lao động giản đơn được nhân bội lên)

+ Giá trị hàng hóa sức lao động là **Lương**

*- Tiền tệ: bản chất, chức năng:*

Nguồn gốc & bản chất	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hình thái giá trị giản đơn hay ngẫu nhiên: trao đổi hàng hóa ngẫu nhiên</li> <li>2. Hình thái giá trị đầy đủ hay mở rộng: khi việc trao đổi diễn ra thường xuyên, một hàng hóa có thể được đặt trong mối quan hệ với nhiều hàng hóa khác</li> <li>3. Hình thái chung của giá trị: khi trình độ sản xuất hàng hóa phát triển cao hơn, chủng loại hàng hóa càng phong phú hơn -&gt; thúc đẩy sự hình thành hình thái chung của giá trị.</li> <li>4. Hình thái tiền: sản xuất hàng hóa và thị trường ngày càng</li> </ol>
----------------------	--

	<p>mở rộng và phát triển, có nhiều vật làm ngang giá chung sẽ gây trở ngại cho trao đổi giữa các địa phương trong một quốc gia → cần có một loại hàng hóa làm vật ngang giá chung thống nhất – Tiền</p> <p>Vậy bản chất, tiền là một loại hàng hóa đặc biệt, là kết quả của quá trình phát triển của sản xuất và trao đổi hàng hóa. Tiền xuất hiện là yếu tố ngang giá chung cho thế giới hàng hóa. Tiền phản ánh lao động xã hội và mối quan hệ giữa những người sản xuất và trao đổi hàng hóa.</p>
5 chức năng	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <i>Thước đo giá trị</i>. Làm chức năng thước đo giá trị, tiền dùng để biểu hiện và đo lường giá trị của tất cả các hàng hóa khác nhau.</li> <li>• <i>Phương tiện lưu thông</i>. Làm chức năng phương tiện lưu thông, tiền được dùng làm môi giới cho quá trình trao đổi hàng hóa.</li> <li>• <i>Phương tiện cất trữ</i>. Tiền là đại diện cho giá trị, đại diện cho của cải nên khi tiền xuất hiện, thay vì cất trữ hàng hóa, người dân có thể cất trữ bằng tiền.</li> <li>• <i>Phương tiện thanh toán</i>. Làm chức năng thanh toán, tiền được dùng để chi trả sau khi việc giao dịch, mua bán đã hoàn thành, tức thanh toán việc mua bán chịu.</li> <li>• <i>Tiền tệ thế giới</i>. Khi trao đổi hàng hóa mở rộng ra ngoài biên giới, giữa các nước thì tiền làm chức năng tiền tệ thế giới.</li> </ul>

- *Dịch vụ, quyền sử dụng đất, thương hiệu, chứng khoán:*

Dịch vụ	<p><b>Dịch vụ được coi là hàng hóa đặc biệt do các thuộc tính sau:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Dịch vụ là hàng hóa vô hình không thể cầm nắm được.</li> <li>• Hàng hóa dịch vụ không thể tách rời nhà cung cấp dịch vụ.</li> <li>• Chất lượng dịch vụ mang tính không đồng nhất, không ổn định và khó xác định.</li> <li>• Dịch vụ là hàng hóa không thể tích lũy lại hay</li> </ul>
---------	---

	<p>lưu trữ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Dịch vụ tạo ra lợi ích nhưng không bao gồm sở hữu.</li> </ul>
<i>Quan hệ trong trường hợp trao đổi quyền sử dụng đất</i>	<p>Khi thực hiện mua, bán quyền sử dụng đất, nhiều người lầm tưởng đó là mua bán đất đai. Trên thực tế, họ trao đổi với nhau quyền sử dụng đất.</p> <p>Quyền sử dụng đất, có giá trị sử dụng, có giá cả nhưng không do hao phí lao động tạo ra theo cách như các hàng hóa thông thường. Giá cả của quyền sử dụng đất chịu tác động của nhiều yếu tố: giá trị của tiền, quan hệ cung cầu, đầu cơ, sự khan hiếm, do tốc độ đô thị hóa, công nghiệp hóa, gia tăng dân số...</p>
<i>Quan hệ trong trao đổi, mua bán chứng khoán, chứng quyền và một số giấy tờ có giá</i>	<p>Chứng khoán, chứng quyền, các loại giấy tờ có giá khác cũng có một số đặc trưng như hàng hóa, mang lại thu nhập cho người mua, bán. Sự phát triển của các giao dịch mua, bán chứng khoán, chứng quyền dần thúc đẩy hình thành một loại thị trường yếu tố có tính hàng hóa phái sinh, phân biệt</p>
<i>Quan hệ trong trao đổi thương hiệu (danh tiếng)</i>	<p>Ngày nay, thương hiệu của một doanh nghiệp cũng có thể được trao đổi, mua bán, được định giá, tức chúng có giá cả, thậm chí có giá cả cao. Thương hiệu hay danh tiếng, là kết quả của sự nỗ lực của sự hao phí sức lao động của người nắm giữ thương hiệu, thậm chí là của nhiều người. Do đó, giá cả của thương hiệu, nhất là những thương hiệu nổi tiếng thường rất cao. Điểm cần chú ý là, thương hiệu chỉ có thể được hình thành dựa trên một kiểu sản xuất hàng hóa, dịch vụ thực mới có giá cả cao.</p>

### 2.3. Thị trường và nền kinh tế thị trường:

#### - Thị trường:

Khái niệm	Thị trường là tổng hòa những quan hệ kinh tế trong đó nhu cầu của các chủ thể được đáp ứng thông qua việc trao đổi, mua bán với sự xác định giá cả và số lượng hàng hóa, dịch vụ tương ứng với trình độ phát triển nhất định của nền sản xuất xã hội.
-----------	---

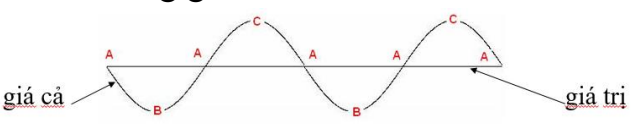
Phân loại	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Căn cứ vào đối tượng trao đổi: thị trường hàng hóa &amp; dịch vụ</li> <li>+ Căn cứ vào phạm vi các quan hệ: trong nước &amp; thế giới</li> <li>+ Căn cứ vào vai trò của các yếu tố trao đổi: tư liệu tiêu dùng &amp; tư liệu SX</li> <li>+ Căn cứ vào tính chất và cơ chế vận hành: tự do &amp; có điều tiết &amp; cạnh tranh hoàn hảo &amp; cạnh tranh không hoàn hảo</li> </ul>
Vai trò	<p><i>Một là</i>, thị trường thực hiện giá trị hàng hóa, là điều kiện, môi trường cho sản xuất phát triển.</p> <p><i>Hai là</i>, thị trường kích thích sự sáng tạo của mọi thành viên trong xã hội, tạo ra cách thức phân bổ nguồn lực hiệu quả trong nền kinh tế.</p> <p><i>Ba là</i>, thị trường gắn kết nền kinh tế thành một chỉnh thể, gắn kết nền kinh tế quốc gia với nền kinh tế thế giới.</p>

*- Kinh tế thị trường:*

Khái niệm	Nền kinh tế thị trường là nền kinh tế được vận hành theo cơ chế thị trường. Đó là nền kinh tế hàng hóa phát triển cao, ở đó mọi quan hệ sản xuất và trao đổi đều được thông qua thị trường, chịu sự tác động, điều tiết của các quy luật thị trường.
4 đặc trưng cơ bản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có sự đa dạng của các chủ thể kinh tế, nhiều hình thức sở hữu. Các chủ thể kinh tế đều bình đẳng trước pháp luật.</li> <li>- Thị trường đóng vai trò quyết định trong việc phân bổ các nguồn lực xã hội thông qua hoạt động của các thị trường bộ phận như: thị trường hàng hóa, thị trường dịch vụ, thị trường tài chính, thị trường bất động sản...</li> <li>- Giá cả được hình thành theo nguyên tắc thị trường; cạnh tranh vừa là môi trường, vừa là động lực thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh là lợi nhuận và lợi ích kinh tế - xã hội khác; nhà nước là chủ thể thực hiện chức năng quản lý, chức năng kinh tế; thực hiện khắc phục các khuyết tật của thị trường, thúc đẩy những yếu tố tích cực.</li> <li>- Là nền kinh tế mở, thị trường trong nước quan hệ mật thiết với thị trường quốc tế.</li> </ul>
3 ưu thế	<p><i>Một là</i>, nền kinh tế thị trường luôn tạo ra động lực cho sự sáng tạo các chủ thể kinh tế.</p> <p><i>Hai là</i>, nền kinh tế thị trường luôn phát huy tốt nhất tiềm năng của</p>

	<p>mọi chủ thể, các vùng miền cũng như lợi thế quốc gia.</p> <p><i>Ba là</i>, nền kinh tế thị trường luôn tạo ra các phương thức để thỏa mãn tối đa nhu cầu của con người, từ đó thúc đẩy tiến bộ, văn minh xã hội.</p>
3 khuyết tật	<p><i>Một là</i>, trong nền kinh tế thị trường luôn tiềm ẩn những rủi ro khủng hoảng.</p> <p><i>Hai là</i>, nền kinh tế thị trường không tự khắc phục được xu hướng cạn kiệt tài nguyên không thể tái tạo, suy thoái môi trường tự nhiên, môi trường xã hội.</p> <p><i>Ba là</i>, nền kinh tế thị trường không tự khắc phục được hiện tượng phân hóa sâu sắc trong xã hội.</p>

#### - 4 quy luật của kinh tế thị trường:

Quy luật giá trị	Nội dung	Sản xuất và trao đổi hàng hóa phải dựa trên cơ sở giá trị của nó, tức trên cơ sở hao phí LDXHCT
	Yêu cầu của quy luật giá trị	<p>+ Trong sản xuất: hao phí lao động cá biệt phù hợp ( nhỏ hơn hoặc = ) với chi phí LDXHCT</p> <p>+ Trong trao đổi: phải thực hiện theo nguyên tắc trao đổi ngang giá tức là dựa trên cơ sở hao phí LDXHCT</p> <p>Tuy nhiên: Khối lượng sản phẩm mà những người SX tạo ra phải phù hợp nhu cầu có khả năng thanh toán của XH</p>
	Ngang giá	<p>Giá cả vận động lên xuống xoay quanh giá trị. Nhưng trong một thời gian nhất định, xét trên góc độ cả toàn bộ nền kinh tế thì: Tổng giá cả = Tổng giá trị</p> 
	Tác động của quy luật giá trị	- Điều tiết SX và lưu thông hàng hóa: Điều tiết tự phát, Thông qua sự lên xuống của giá

		<p>cả</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thích cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất, tăng năng suất lao động -&gt; thúc đẩy LLSX của XH phát triển</li> <li>- Phân hoá những người sản xuất hàng hoá thành giàu, nghèo</li> </ul> <p>Như vậy: y/c của quy luật giá trị là y/c <b>khách quan nghiêm ngặt</b> cho mọi người, mọi tổ chức SX KD Đảm bảo <b>công bằng bình đẳng</b> cho những người SX</p>
Quy luật cung cầu	Nội dung	<p><b>Cầu:</b> Phản ánh nhu cầu tiêu dùng và có khả năng thanh toán của xã hội. Chỉ những nhu cầu có khả năng thanh toán mới tạo thành cầu trong kinh tế</p> <p><b>Cung:</b> Phản ánh khối lượng sản phẩm hàng hóa được sản xuất và đưa ra thị trường để bán. Do Sản xuất quyết định</p>
	Mối quan hệ cung cầu	<p>+ Cung quyết định cầu</p> <p>+ Cầu tác động đến cung</p> <p>+ <b>Tác động của cung và cầu làm cho giá cả vận động xoay quanh giá trị hàng hóa</b></p> <p>Khi cung = cầu, thì giá cả = giá trị</p> <p>Khi cung &gt; cầu, thì giá cả &lt; giá trị</p> <p>Khi cung &lt; cầu, thì giá cả &gt; giá trị</p> <p>Đồng thời, giá cả cũng có tác động tới cung và cầu.</p>
	Khái niệm	Là qui luật <b>qui định số lượng tiền cần thiết cho lưu thông hàng hoá</b> ở mỗi thời kỳ nhất định.
	Lượng tiền cần cho lưu thông được tính theo công thức:	<div style="border: 1px solid red; padding: 5px; display: inline-block;"> <math display="block">M = \frac{P \cdot Q}{V}</math> </div> <p>Trong đó:</p> <p><b>M:</b> là lượng tiền cần thiết cho lưu thông</p> <p><b>P:</b> là mức giá cả</p>



Quy luật lưu thông tiền tệ		<p><b>Q:</b> là khối lượng hàng hoá đem ra lưu thông  <b>V:</b> là số vòng luân chuyển trung bình của một đơn vị tiền tệ.</p> <p>Hay:</p> $M = \frac{P.Q - (G1+G2) + G3}{V}$ <p>Trong đó: P.Q là tổng giá cả hàng hóa ,  G1 là tổng giá cả hàng hóa bán chịu,  G2 là tổng giá cả hàng hóa khấu trừ cho nhau  G3 là tổng giá cả đến kỳ thanh toán  V là số vòng quay trung bình của tiền tệ</p>
Quy luật cạnh tranh	Khái niệm	Là sự ganh đua giữa các chủ thể tham gia SX –kinh doanh với nhau nhằm giành những điều kiện thuận lợi trong SX - kinh doanh tiêu thụ hàng hóa dịch vụ để thu được nhiều lợi cho mình
	2 loại cạnh tranh	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cạnh tranh trong nội bộ ngành: hình thành giá cả thị trường</li> <li>+ Cạnh tranh giữa các ngành: hình thành tỉ suất lợi nhuận bình quân</li> </ul>
	2 hình thức cạnh tranh	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cạnh tranh giá cả: Cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất lao động để nâng cao chất lượng, giảm chi phí hàng hóa...</li> <li>+ Cạnh tranh phi giá: Quảng cáo, khuyến mãi...</li> </ul>

## Chương 3: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường

### 3.1 Công thức chung của tư bản:

Tiêu chí	Công thức chung của tư bản: $T - H - T'$	Công thức lưu thông hàng hóa: $H - T - H'$
Giống nhau	+ Đều có 2 nhân tố là hàng & tiền + Đều có 2 hành vi mua & bán	
Khác nhau	<b>+ Điểm mở đầu và điểm kết thúc:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>bắt đầu bằng việc mua (T) và kết thúc bằng việc bán (T') và ngược lại</li></ul> <b>+ Mục đích của sự vận động:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>nhằm vào giá trị tăng (giá trị thặng dư) <math>m = T' - T &gt; 0</math></li></ul> <b>+ Giới hạn của vận động:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>không có giới hạn</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>bắt đầu bằng việc bán và kết thúc bằng việc mua</li><li>nhằm vào giá trị sử dụng của hàng hóa</li><li>có giới hạn</li></ul>

### 3.2. Hàng hóa sức lao động:

<b>Khái niệm SLĐ</b>	C. Mác: "Sức lao động hay năng lực lao động là toàn bộ những năng lực thể chất và tinh thần tồn tại trong cơ thể, trong một con người đang sống, và được người đó đem ra vận dụng mỗi khi sản xuất ra một giá trị sử dụng nào đó.
<b>2 điều kiện SLĐ trở thành hàng hóa</b>	+ Một, người lao động được tự do về thân thể + Hai, người lao động không có đủ các tư liệu sản xuất cần thiết để tự kết hợp với SLĐ tạo ra hàng hóa, cho nên họ phải bán SLĐ
<b>2 thuộc tính của hàng hóa SLĐ</b>	+ Một là, <b>giá trị</b> của hàng hóa sức lao động: do số LĐXHCT để sản xuất và tái sản xuất ra SLĐ quyết định. Được hợp thành do các bộ phận sau đây: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Giá trị tư liệu sinh hoạt cần thiết (cả vật chất, tinh thần) để tái sản xuất ra sức lao động;</li> <li>• Phí tổn đào tạo người lao động;</li> <li>• Giá trị những tư liệu sinh hoạt cần thiết (vật chất và tinh thần) nuôi con của người lao động.</li> </ul> + Hai là, <b>giá trị sử dụng</b> của hàng hóa sức lao động: là để thỏa mãn nhu cầu của người mua.
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Giá trị hàng hóa SLĐ luôn tạo ra giá trị lớn hơn giá trị của bản thân mình -&gt; tạo ra tiền công</li> </ul>	

### 3.3. Bản chất tư bản – các loại tư bản:

Bản chất tư bản	Tư bản là giá trị tự gia tăng, tạo lợi nhuận bằng cách khai thác lao động.
Tư bản bất biến - c	Tồn tại dưới hình thức TLSX mà giá trị của nó không đổi trong quá trình SX
Tư bản khả biến – v (lương)	Tồn tại dưới hình thức SLĐ không tái hiện ra, biến đổi trong quá trình SX
Tư bản cố định – c1	Tồn tại dưới hình thức đất đai, nhà xưởng, máy móc có giá trị lớn và chuyển dần từng phần vào trong SX
Tư bản lưu động – (c2 + v)	Tồn tại dưới hình thức nguyên vật liệu phụ - c2 && tiền lương – v; giá trị chuyển 1 lần vào sản phẩm

Tư bản ứng trước – vốn	$c + v = c1 + c2 + v$
Tuần hoàn tư bản	Là sự vận động của tư bản lần lượt trải qua ba giai đoạn dưới ba hình thái kế tiếp nhau (tư bản tiền tệ, tư bản sản xuất, tư bản hàng hóa) -> tạo thành vòng tròn mỗi lần như vậy sẽ dư ra 1 khoảng là giá trị thặng dư
Chu chuyển tư bản	<p>Là tuần hoàn tư bản được xét với tư cách là quá trình định kỳ, thường xuyên lặp đi lặp lại và đổi mới theo thời gian -&gt; cao hơn tuần hoàn – tạo thành hình xoắn ốc</p> <p><b><math>n = CH/ch</math></b>  n: số vòng chu chuyển  CH: thời gian của 1 năm  ch: thời gian 1 vòng chu chuyển</p>

### 3.4. Giá trị thặng dư:

<b>Khái niệm GTTD</b>	<p>+ Giá trị thặng dư (m) là một phần giá trị mới (v+m) dôi ra ngoài giá trị SLĐ do công nhân tạo ra, là kết quả của lao động không công của công nhân cho nhà tư bản.</p> <p>+ Ngày lao động của công nhân chia thành 2 phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Thời gian lao động tất yếu – t: tạo ra <b>lượng giá trị ngang bằng với giá trị sức lao động của mình -&gt; tạo ra lương</b></li> <li>• Thời gian lao động thặng dư – t': tạo ra giá trị thặng dư - &gt; m</li> </ul>
<b>Sản xuất GTTD</b>	+ Là quá trình SX trong xí nghiệp tư bản sử dụng SLĐ và TLSX
<b>Tỷ suất GTTD</b>	<p>+ Là tỷ lệ phân trăm giữa giá trị thặng dư và tư bản khả biến để sản xuất ra giá trị thặng dư đó.</p> <p>+ Công thức tính tỷ suất giá trị thặng dư là:  <math>m' = m/v * 100\% = t'/t * 100\%</math></p> <p>Trong đó: m' là tỷ suất giá trị thặng dư; m là giá trị thặng dư; v là tư bản khả biến.  thời gian lao động thặng dư (t') và thời gian lao động tất yếu (t).</p>
<b>Khối lượng GTTD</b>	<p>+ Là lượng giá trị thặng dư bằng tiền mà nhà tư bản thu được.</p> <p>Công thức tính khối lượng giá trị thặng dư là:</p>

	$M = m' \cdot V$ <p>M: khối lượng giá trị thặng dư  <math>m'</math>: tỷ suất giá trị thặng dư  V: tổng tư bản khả biến</p>
<b>Các phương pháp sản xuất GTTD</b>	<p>- Chỉ có 2 phương pháp sản xuất GTTD là tương đối và tuyệt đối:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ GTTD tuyệt đối: là GTTD thu được do kéo dài ngày lao động vượt quá thời gian lao động tất yếu, trong khi NSLĐ, giá trị SLĐ và thời gian lao động tất yếu không thay đổi (tức là tăng <math>t'</math> lên còn <math>t</math> giữ nguyên)</li> <li>+ GTTD tương đối: là GTTD thu được nhờ rút ngắn thời gian lao động tất yếu; do đó kéo dài thời gian lao động thặng dư trong khi độ dài ngày lao động không thay đổi hoặc thậm chí rút ngắn (tăng NSLĐ <math>\rightarrow</math> đổi mới công nghệ <math>\rightarrow</math> giảm <math>t</math>, tăng <math>t'</math> nhưng tổng <math>t + t'</math> không đổi)</li> </ul> <p>- GTTD siêu ngạch: là hình thức biến tướng của GTTD tương đối; là động lực mạnh nhất thúc đẩy các nhà TB cải tiến kĩ thuật; đổi mới công nghệ để tăng NSLĐ cá biệt.</p>

### 3.5. Tích lũy tư bản:

<b>Tích lũy tư bản</b>	<p>+ Khái niệm: là việc tái đầu tư GTTD để mở rộng quy mô sản xuất <math>\rightarrow</math> tư bản hóa GTTD</p> <p>+ 4 yếu tố ảnh hưởng quy mô tích lũy:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <i>Thứ nhất</i>, trình độ khai thác sức lao động</li> <li>• <i>Thứ hai</i>, năng suất lao động xã hội.</li> <li>• <i>Thứ ba</i>, sử dụng hiệu quả máy móc.</li> <li>• <i>Thứ tư</i>, đại lượng tư bản ứng trước.</li> </ul> <p>+ 3 hệ quả của tích lũy TB:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <i>Thứ nhất</i>, tích lũy tư bản làm tăng cấu tạo hữu cơ tư bản.</li> <li>• <i>Thứ hai</i>, tích lũy tư bản làm tăng tích tụ và tập trung tư bản.</li> <li>• <i>Thứ ba</i>, quá trình tích lũy tư bản không ngừng làm tăng chênh lệch giữa thu nhập của nhà tư bản với thu nhập của người lao động làm thuê cả tuyệt đối lẫn tương đối.</li> </ul>
<b>Tích lũy nguyên thủy tư bản</b>	<p>+ Khái niệm: Quá trình tư bản hình thành ban đầu bằng cách</p>

	<p><b>tước đoạt tư liệu sản xuất</b> từ người lao động tự do.</p> <p>+ <b>Phương thức:</b> Bóc lột, cướp bóc, chiếm đoạt đất đai và thuộc địa.</p> <p>+ <b>Kết quả:</b> Tạo ra giai cấp tư sản (nắm tư liệu sản xuất) và giai cấp vô sản (bán sức lao động)</p>
<b>Tập trung tư bản</b>	<p>+ <b>Khái niệm:</b> Là việc <b>hợp nhất các tư bản cá biệt</b> lại với nhau thông qua cạnh tranh, mua bán, hoặc sáp nhập.</p> <p>+ <b>Nguồn gốc:</b> Tư bản sẵn có trên thị trường.</p> <p>+ <b>Kết quả:</b> Tạo ra các doanh nghiệp lớn, tăng cường sự thống trị của tư bản lớn.</p>

### 3.6. Lợi nhuận :

<p style="text-align: center;">Giá trị hàng hóa – LĐXHCT: <math>W(G) = c + v + m</math></p>	
<b>Chi phí SX TBCN – TB ứng trước - k</b>	<p>+ Là tiền để mua các yếu tố đầu vào</p> <p>+ Công thức:  <math>K = c + v \Rightarrow W(G) = k + m</math></p> <p>+ Nhà tư bản quan tâm đến K, tiết kiệm chi phí này bằng mọi giá vì K là giới hạn thực sự của lỗ lãi kinh doanh của nhà TB</p>
<b>Lợi nhuận – p = m</b>	<p>+ Là hình thái chuyển hóa của giá trị thặng dư, được quan niệm như con đẻ của toàn bộ tư bản ứng trước.</p> <p><math>W(G) = k + m \Rightarrow W(G) = k + p</math></p>
<b>Tỷ suất lợi nhuận &amp; các</b>	<p>+ Là tỷ lệ phần trăm giữa lợi nhuận và toàn bộ giá trị của tư bản ứng trước .</p>

<b>nhân tố ảnh hưởng – p'</b>	<div>+ Công thức: <math display="block">p' = \frac{m}{c + v} \times 100\% = \frac{P}{k} \times 100\%</math></div> <div>+ <b>P' che giấu bản chất bóc lột của CNTB. Tuy nhiên:</b> * P' nói lên mức doanh lợi của nhà tư bản đầu tư → Đầu tư vào ngành nào có lợi nhất * P' là thước đo tính hiệu quả của kinh doanh TBCN</div> <div>+ 4 nhân tố ảnh hưởng tỷ suất lợi nhuận:<ul style="list-style-type: none"><li>• Tỷ suất giá trị thặng dư</li><li>• Cấu tạo hữu cơ tư bản (c/v)</li><li>• Tốc độ chu chuyển của TB</li><li>• Tiết kiệm TB bất biến</li></ul></div>		
<b>Sự khác nhau giữa p' và m'</b>		<div><u>Sự khác nhau về chất</u></div> <div><u>Thể hiện mức độ bóc lột lao động làm thuê của tư bản</u></div> <div><u>Thể hiện mức lợi nhuận của tư bản ứng trước</u></div>	<div><u>Sự khác nhau về lượng</u></div> <div><b>m' &gt; p'</b></div> <div><math display="block">m' = \frac{m}{v} \times 100\%</math></div> <div><math display="block">P' = \frac{m}{c + v} \times 100\%</math></div>
<b>Lợi nhuận bình quân – <math>\bar{P}</math></b>	<div>+ Là số lợi nhuận bằng nhau của những tư bản như nhau đầu tư vào các ngành khác nhau.</div> <div>+ Công thức: <math display="block">\bar{P} = P' \cdot K</math></div>		
<b>Tỷ suất lợi nhuận bình quân <math>\bar{P}'</math></b>	<div>+ Là con số trung bình của tất cả tỷ suất lợi nhuận ở các ngành khác nhau</div> <div>+ Công thức: <math display="block">\bar{P}' = \frac{\sum m}{\sum (c + v)} \times 100\%</math></div>		

	$\overline{P'} = \frac{P'_1 + P'_2 + \dots + P'_n}{n}$
--	--

### 3.7. Lợi nhuận thương nghiệp:

- + Khái niệm: là số chênh lệch giữa giá bán và giá mua hàng hóa.
- + Nguồn gốc: là một phần của GTTD mà nhà tư bản sản xuất trả cho nhà tư bản thương nghiệp do nhà tư bản thương nghiệp đã giúp cho việc tiêu thụ hàng hóa

T – H – T'	Chỉ làm bước 1 & 3
SLĐ	Công thức: T – T'
T – H ... SX ... H' – T'	
TLSX	
1 2 3	

- + 3 đặc điểm:

**Không tạo giá trị mới:** Chỉ là sự phân phối lại giá trị thặng dư.

**Phụ thuộc vào sản xuất:** Quy mô và tỷ lệ lợi nhuận thương nghiệp phụ thuộc vào quy mô giá trị thặng dư trong sản xuất.

**Chênh lệch thời gian:** Được xác định bởi tốc độ lưu thông hàng hóa và hiệu quả kinh doanh thương nghiệp.

### 3.8. Tư bản cho vay – Lợi tức – z:

- + Là tư bản tiền tệ mà người chủ của nó nhường cho một người khác sử dụng trong một thời gian để nhận được một số lợi nào đó. Số lợi đó gọi là lợi tức:  $z = T' - T$
- + 3 đặc điểm của TB cho vay:

- Thứ nhất, quyền sử dụng tách khỏi quyền sở hữu.
- Thứ hai, là hàng hóa đặc biệt.
- Thứ ba, là hình thái tư bản phiến diện nhất song được dùng bán nhất.

### 3.9. Địa tô TBCN – R:

- + Địa tô là phần GTTD còn lại sau khi đã khấu trừ đi phần lợi nhuận bình quân mà các nhà tư bản kinh doanh trên lĩnh vực nông nghiệp phải trả cho địa chủ. (ký hiệu: R)

- + 2 hình thức địa tô:



- Địa tô chênh lệch: gồm địa tô chênh lệch 1 (màu mỡ thuận tiện giao thông) & địa tô chênh lệch 2 (cần canh tác mới sử dụng được)
- Địa tô tuyệt đối

+ Giá cả ruộng đất = địa tô / tỷ suất lợi tức tiền gửi ngân hàng

## Chương 4: Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường

### 4.1 Độc quyền, độc quyền nhà nước và tác động của độc quyền trong nền KTTT:

#### - **Độc quyền:**

+ *Khái niệm:* là sự liên minh giữa các doanh nghiệp lớn, có khả năng thu tóm việc sản xuất và tiêu thụ một số loại hàng hóa, có khả năng định ra giá cả độc quyền, nhằm thu lợi nhuận độc quyền cao.

+ Độc quyền không thủ tiêu cạnh tranh

#### - **Độc quyền nhà nước:**

+ *Khái niệm:* là kiểu độc quyền trong đó nhà nước nắm giữ vị thế độc quyền trên cơ sở duy trì sức mạnh của các tổ chức độc quyền ở những lĩnh vực then chốt của nền kinh tế nhằm tạo ra sức mạnh vật chất cho sự ổn định của chế độ chính trị - xã hội ứng với điều kiện phát triển nhất định trong các thời kỳ lịch sử.

+ *Bản chất của độc quyền NN trong CNTB:* Độc quyền nhà nước trong chủ nghĩa tư bản hình thành nhằm phục vụ lợi ích của các tổ chức độc quyền tư nhân và tiếp tục duy trì, phát triển chủ nghĩa tư bản.

#### - **Tác động của độc quyền trong nền KTTT:**

+ *Tác động tích cực:*

- Thứ nhất, độc quyền tạo ra khả năng to lớn trong việc nghiên cứu và triển khai các hoạt động khoa học - kỹ thuật, thúc đẩy sự tiến bộ kỹ thuật.
- Thứ hai, độc quyền có thể làm tăng năng suất lao động, nâng cao năng lực cạnh tranh của bản thân tổ chức độc quyền.
- Thứ ba, độc quyền tạo được sức mạnh kinh tế góp phần thúc đẩy nền kinh tế phát triển theo hướng sản xuất lớn hiện đại.

+ *Tác động tiêu cực:*

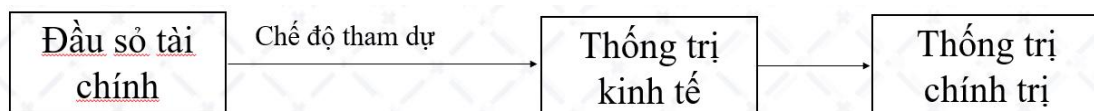
- Một là, độc quyền xuất hiện làm cho cạnh tranh không hoàn hảo gây thiệt hại cho người tiêu dùng và xã hội.
- Hai là, độc quyền có thể kìm hãm sự tiến bộ kỹ thuật, theo đó kìm hãm sự phát triển kinh tế, xã hội.
- Ba là, khi độc quyền nhà nước bị chi phối bởi nhóm lợi ích cục bộ hoặc khi độc quyền tư nhân chi phối các quan hệ kinh tế - xã hội sẽ gây ra hiện tượng làm tăng sự phân hóa giàu - nghèo.

#### 4.2. Tổ chức độc quyền:

- *Khái niệm:* là tổ chức liên minh những nhà tư bản lớn, tập trung trong tay việc sản xuất và tiêu thụ một loại hàng hóa nào đó, nhằm thu lợi nhuận độc quyền cao.
- *Thứ tự phát triển các tổ chức độc quyền:*
  - + **Cartel:** Các xí nghiệp tư bản lớn ký hiệp nghị thỏa thuận về giá cả, sản lượng, thị trường tiêu thụ, kỳ hạn thanh toán...
  - + **Syndicate:** Thống nhất sản xuất và lưu thông dưới sự quản lý của hội đồng quản trị.
  - + **Trust:** Sản xuất, tiêu thụ do ban quản trị chung quản lý; các xí nghiệp tham gia trở thành cổ đông, nhận lợi nhuận theo cổ phần.
  - + **Consortium:** Liên kết các Syndicate, Trust và xí nghiệp từ nhiều ngành liên quan, phụ thuộc tài chính vào nhóm tư bản lớn.

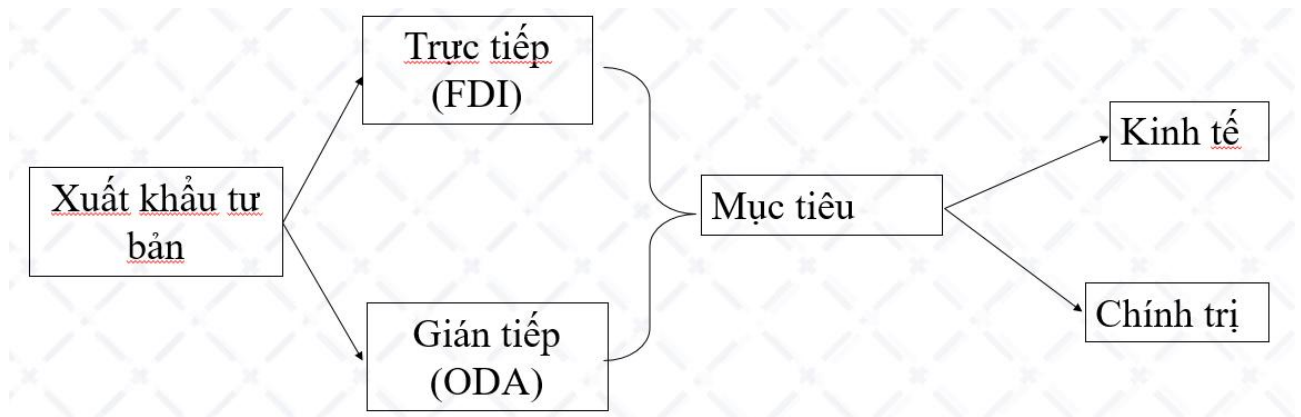
#### 4.3. Tư bản tài chính, CNTB ĐQ và xuất khẩu tư bản:

- Tư bản tài chính là sự kết hợp giữa tư bản độc quyền ngân hàng và tư bản độc quyền công nghiệp
- Sự phát triển của tư bản tài chính dẫn đến một nhóm độc quyền chi phối toàn bộ đời sống kinh tế và chính trị của toàn xã hội tư bản gọi là Bọn đầu sỏ tài chính:



- Chủ nghĩa tư bản độc quyền (ra đời giữa TK XX) là sự phát triển cao của chủ nghĩa tư bản cạnh tranh tự do
- Xuất khẩu tư bản:
  - + Được thực hiện trong thời kỳ Chủ nghĩa tư bản độc quyền

+ 2 hình thức xuất khẩu tư bản:



#### 4.4. Biểu hiện mới của độc quyền:

Quá trình hình thành những sự liên kết giữa các độc quyền theo cả hai chiều: chiều dọc và chiều ngang, ở cả trong và ngoài nước. Từ đó những hình thức tổ chức độc quyền mới đã ra đời:

+ *Concern*: Là tổ chức độc quyền đa ngành, thành phần của nó có hàng trăm xí nghiệp có quan hệ với những ngành khác nhau và được phân bố ở nhiều nước.

+ *Conglomerate*: Là sự kết hợp của hàng chục hãng vừa và nhỏ không có sự liên quan trực tiếp về sản xuất hoặc dịch vụ cho sản xuất.

## Chương 5: Kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam

### 5.1. Kinh tế thị trường định hướng XHCN:

<b>Khái niệm KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam</b>	<p>+ Nền kinh tế thị trường là nền kinh tế hàng hoá phát triển ở trình độ cao.</p> <p>+ Nền kinh tế thị trường định hướng XHCN là nền kinh tế bao gồm các đặc trưng vốn có của kinh tế thị trường nói chung, vừa có đặc trưng riêng của Việt Nam hướng tới từng bước xác lập một xã hội mà ở đó dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh</p>
<b>Tính tất yếu khách quan của việc phát triển KTTT định hướng XHCN ở VN: có 3 cái</b>	<p>+ Một là, phát triển KTTT định hướng XHCN là phù hợp với xu hướng phát triển khách quan của VN trong bối cảnh thế giới hiện nay</p> <p>+ Hai là, do tính ưu việt của KTTT định hướng XHCN trong thúc đẩy phát triển đối với VN</p> <p>+ Ba là, KTTT định hướng XHCN phù hợp với nguyện vọng mong muốn dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh của người dân VN.</p>
	<p><i>1. Về mục tiêu:</i></p> <p>Hướng tới phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của CNXH; nâng cao đời sống nhân dân, đạt "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh."</p> <p><i>2. Về quan hệ sở hữu và thành phần kinh tế:</i></p> <ul style="list-style-type: none"><li>• Quan hệ sở hữu: Là quan hệ giữa con người với con người trong sản xuất, dựa trên chiếm hữu nguồn lực và kết quả lao động.</li><li>• Hiện nay, Việt Nam có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng.</li></ul> <p>Việt Nam hiện nay có 3 hình thức sở hữu: sở hữu</p>

<p><b>Những đặc trưng cơ bản của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam</b></p>	<p>toàn dân (nhà nước), sở hữu tập thể (hợp tác xã, cty cổ phần), sở hữu tư nhân.</p> <p>Nêu các thành phần kinh tế của VN qua các kỳ đại hội (VI - nay), 4 cái: kt nhà nước, tư nhân, tập thể, có vốn đầu tư nước ngoài</p> <p><i>3. Về quan hệ quản lý nền kinh tế:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nhà nước pháp quyền XHCN quản lý, thực hành cơ chế vì dân, do dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng và giám sát của nhân dân.</li> </ul> <p><i>4. Về quan hệ phân phối:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Quyết định bởi quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất.</li> <li>Hình thức phân phối: Theo lao động và hiệu quả kinh tế, phân phối theo phúc lợi: phản ánh định hướng XHCN.</li> </ul> <p><i>5. Về tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Gắn tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội, phát triển văn hóa - xã hội và thực hiện công bằng trong mọi chính sách, quy hoạch, chiến lược.</li> </ul>
--	--

## 5.2 .Thể chế kinh tế, thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN (Khái niệm):

<b>Thể chế</b>	Là những quy tắc, luật pháp, bộ máy quản lý và cơ chế vận hành nhằm điều chỉnh các hoạt động của con người trong một chế độ xã hội
<b>Thể chế kinh tế</b>	Là Hệ thống quy tắc, luật pháp, bộ máy quản lý và cơ chế vận hành nhằm điều chỉnh hành vi của các chủ thể kinh tế, các hành vi sản xuất kinh doanh và các quan hệ kinh tế

<b>Thế chế KTTT định hướng XHCN</b>	Là hệ thống đường lối, chủ trương chiến lược, hệ thống luật pháp, chính sách quy định xác lập cơ chế vận hành, điều chỉnh chức năng, hoạt động, mục tiêu, phương thức hoạt động, các quan hệ lợi ích của các tổ chức, các chủ thể kinh tế nhằm hướng tới xác lập đồng bộ các yếu tố thị trường, các loại thị trường hiện đại theo hướng góp phần thúc đẩy dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.
<b>Lý do phải thực hiện hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ?</b>	<p>Thứ nhất, do thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn chưa đồng bộ.</p> <p>Thứ hai, hệ thống thể chế chưa đầy đủ.</p> <p>Thứ ba, hệ thống thể chế còn kém hiệu lực, hiệu quả, thiếu các yếu tố thị trường và các loại thị trường.</p>

### 5.3. Lợi ích kinh tế & quan hệ lợi ích kinh tế:

Lợi ích kinh tế	Khái niệm	+ Lợi ích kinh tế là Lợi ích vật chất, lợi ích thu được khi thực hiện các hoạt động kinh tế của con người
	Bản chất	+ <i>Xét về bản chất</i> , lợi ích kinh tế phản ánh mục đích và động cơ của các quan hệ giữa các chủ thể trong nền sản xuất xã hội.
	Biểu hiện	+ <i>Về biểu hiện</i> , gắn với các chủ thể kinh tế khác nhau là những lợi ích tương ứng: lợi ích của chủ doanh nghiệp trước hết là lợi nhuận, lợi ích của người lao động là thu nhập.
	Vai trò	<p>+ <i>Lợi ích kinh tế là động lực trực tiếp của các chủ thể và hoạt động kinh tế - xã hội</i></p> <p>+ <i>Lợi ích kinh tế là cơ sở thúc đẩy sự phát triển các lợi ích khác.</i></p>
	Khái niệm	+ Là sự tương tác giữa con người, tổ chức, và quốc gia nhằm xác lập lợi ích kinh tế, gắn với trình độ phát triển lực lượng sản xuất và kiến trúc thượng tầng của từng giai đoạn xã hội.
	Sự thống nhất và mâu thuẫn	+ Sự thống nhất: Trong nền kinh tế thị trường, sản lượng đầu ra và các yếu tố đầu vào đều được thực hiện thông qua thị trường

Quan hệ lợi ích kinh tế	trong các quan hệ lợi ích kinh tế	+ Sự mâu thuẫn: Lợi ích của những chủ thể kinh tế có quan hệ trực tiếp trong việc phân phối kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cũng có thể mâu thuẫn với nhau vì tại một thời điểm kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là xác định
	Các nhân tố ảnh hưởng đến quan hệ lợi ích kinh tế	<i>Thứ nhất, trình độ phát triển của lực lượng sản xuất</i> <i>Thứ hai, địa vị của chủ thể trong hệ thống quan hệ sản xuất xã hội.</i> <i>Thứ ba, chính sách phân phối thu nhập của nhà nước.</i> <i>Thứ tư, hội nhập kinh tế quốc tế.</i>
	Một số quan hệ lợi ích kinh tế cơ bản trong nền kinh tế thị trường	<i>Một là, quan hệ lợi ích giữa người lao động và người sử dụng lao động.</i> <i>Hai là, quan hệ lợi ích giữa những người sử dụng lao động.</i> <i>Ba là, quan hệ lợi ích giữa những người lao động.</i> <i>Bốn là, quan hệ giữa lợi ích cá nhân, lợi ích nhóm và lợi ích xã hội.</i>
	Phương thức thực hiện lợi ích kinh tế trong các quan hệ lợi ích chủ yếu	<i>Thứ nhất, thực hiện lợi ích kinh tế theo nguyên tắc thị trường.</i> <i>Thứ hai, thực hiện lợi ích kinh tế theo chính sách của nhà nước và vai trò của các tổ chức xã hội.</i>
Vai trò nhà nước trong bảo đảm hài hòa các quan hệ lợi ích	<i>Thứ nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp, tạo môi trường thuận lợi cho các hoạt động tìm kiếm lợi ích của các chủ thể kinh tế</i> <i>Thứ hai, điều hòa lợi ích giữa cá nhân – doanh nghiệp – xã hội</i> <i>Thứ ba, kiểm soát ngăn ngừa các quan hệ lợi ích có ảnh hưởng tiêu cực đối với sự phát triển xã hội</i> <i>Thứ tư, giải quyết những mâu thuẫn trong quan hệ lợi ích kinh tế</i>	



--	--

#### 5.4 Note:

- Tên gọi các mô hình kinh tế mà Việt Nam xây dựng qua các kỳ đại hội từ năm 1954:

- KTTT sơ khai
- KTTT tự do
- KTTT hiện đại

- Nêu các khuyết tật nền kte thị trường:

- luôn tiềm ẩn những rủi ro khủng hoảng
- không tự khắc phục được xu hướng cạn kiệt tài nguyên không thể tái tạo, suy thoái môi trường tự nhiên, môi trường xã hội
- không tự khắc phục được hiện tượng phân hóa sâu sắc trong xã hội

- KTTT định hướng XHCN được Đảng ta xác nhận ở: đại hội lần 9

- Các mô hình tiêu biểu:

- + 1960: mô hình CNH của VN – kiểu Liên Xô cũ
- + 1986: CNH theo mô hình kinh tế khép kín, hướng nội thiên về CN nặng
- + CNH mô hình LX cũ lấy vốn chủ yếu do bóc lột lao động làm thuê

- Doanh nghiệp và đội ngũ doanh nhân là lực lượng nòng cốt trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam

- Doanh nghiệp và đội ngũ trí thức là lực lượng đi đầu trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam

## Chương 6:

- Khái niệm CNH, HĐH: nghĩa là sự thay đổi căn bản và toàn diện trong các hoạt động sản xuất, chuyển từ lao động thủ công sang lao động sử dụng máy móc, công nghệ hiện đại.

### - Nội dung lịch sử các cuộc cách mạng công nghiệp:

Lần thứ nhất – giữa TK 18 đến giữa 19	Nội dung	+ Chuyển từ lao động thủ công thành lao động sử dụng máy móc <b>+ Cơ giới hóa sản xuất bằng việc sử dụng năng lượng dựa vào sức nước và hơi nước</b>  - Có nguồn gốc từ Anh
	Những phát minh quan trọng	- Máy hơi nước James Watt - Xe kéo sợi Jenny - Máy dệt vải Edmund Cartwright - Đầu máy xe lửa.
	Tác động	+ Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế + Nâng cao năng suất lao động + Gia tăng của cải vật chất + Tạo ra cơ sở vật chất kỹ thuật cho CNTB khẳng định sự thắng lợi của nó với chế độ PK. + Làm tăng mức độ bóc lột lao động dẫn đến đối kháng ngày càng gay gắt
Lần thứ hai – nửa cuối TK 19 đầu 20	Nội dung	+ <b>Điện khí hóa</b> , sử dụng <b>năng lượng điện</b> và động cơ điện tạo ra các dây chuyền sản xuất hàng loạt + Chuyển nền sản xuất cơ khí sang nền sản xuất điện – cơ khí và sang giai đoạn tự động hóa + Tìm ra các nguồn năng lượng mới như: năng lượng nguyên tử, năng lượng gió, năng lượng mặt trời...
	Những phát minh quan trọng	Điện năng và bóng đèn (Thomas Edison). Động cơ đốt trong. Dây chuyền sản xuất (Henry Ford). Điện tín và điện thoại (Alexander Graham Bell).
	<b>Tác động</b>	+ <i>Nâng cao hơn nữa năng suất lao động, thúc đẩy llsx phát triển.</i> <i>+ Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế mạnh mẽ từ nông nghiệp sang công nghiệp, dịch vụ, thương mại</i> <i>+ Làm gia tăng mâu thuẫn giữa các nước phát</i>

		<i>triển dẫn đến CTTG lần thứ 1 và CTTG lần thứ 2</i> + <i>Đẩy nhanh quá trình xã hội hóa sản xuất, thúc đẩy CNTB từ cạnh tranh tự do sang độc quyền</i>
Lần 3 – những năm 60 đến cuối TK 20	Nội dung	+ <b>Sử dụng CNTT để tự động hóa sản xuất</b> + Chuyển từ công nghiệp điện tử - cơ khí sang công nghệ số
	Những phát minh quan trọng	Máy tính và vi mạch (Transistor, Chip). Internet. Robot tự động hóa. Năng lượng tái tạo (Pin mặt trời, gió).
	Tác động	+ <i>Sản xuất có những bước nhảy vọt, tạo sự kết nối rộng khắp</i> + <i>Sáng chế và áp dụng máy tính bảng, hoàn thiện quá trình tự động hóa, đưa tất cả các lĩnh vực trong nền kinh tế chuyển sang trạng thái công nghệ hoàn toàn mới</i> + <i>Đưa nền kinh tế từ nền kinh tế công nghiệp sang kinh tế tri thức</i> + <i>Điều tiết và phối hợp quốc tế được tăng cường</i>
Lần 4 – đầu TK 21 đến nay  Thuật ngữ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0) xuất hiện lần đầu tiên Năm 2011 tại CHLB Đức	Nội dung	Hệ thống liên kết thế giới thực và ảo: Về vật lý với công nghệ nổi bật in 3D Về công nghệ số với những công nghệ nổi bật là internet kết nối vạn vật, dữ liệu lớn, trí thông minh nhân tạo và chuỗi khối Về công nghệ sinh học với công nghệ nổi bật là gen tế bào
	Những phát minh quan trọng	Trí tuệ nhân tạo (AI). Internet vạn vật (IoT). Công nghệ in 3D. Blockchain và dữ liệu lớn (Big Data).
	Tác động	+ <i>Làm thay đổi nhận thức con người, giúp chúng ta có định hướng đúng đắn trong tương lai</i> + <i>Cuộc CMCN 4.0 tác động rất lớn đến nền kinh tế toàn cầu.</i> + <i>Làm thay đổi hệ thống sản xuất, chuyển sản</i>

		<p><i>xuất từ tập trung sang phân cấp.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ <i>Trí tuệ nhân tạo làm thay con người trong quá trình sản xuất</i></li> <li>+ <i>Có khả năng kết nối và tạo ra mạng lưới trao đổi thông tin tất cả mọi vật</i></li> <li>+ <i>Đưa kinh tế thế giới bước vào giai đoạn tăng trưởng chủ yếu vào động lực không có trần giới hạn là công nghệ và đổi mới sáng tạo</i></li> <li>+ <i>Thay đổi hoàn toàn cách con người sinh sống, làm việc và quan hệ với nhau</i></li> </ul>
--	--	---

**- Các mô hình CNH tiêu biểu trên thế giới:**

Mô hình CNH cổ điển Anh	Thực hiện gắn liền với cuộc cách mạng CN lần 1, giữa tk XVII. Bắt đầu từ ngành CN nhẹ, mà trực tiếp là CN dệt – là ngành đòi hỏi ít vốn, thu lợi nhanh
Mô hình công nghiệp hoá kiểu Liên Xô (cũ)	Con đường công nghiệp hoá theo mô hình Liên Xô (cũ) thường là ưu tiên phát triển công nghiệp nặng.
Mô hình công nghiệp hóa của Nhật Bản và các nước công nghiệp mới (NICs)	Chiến lược CNH của các nước này, thực chất là chiến lược CNH rút ngắn, đẩy mạnh xuất khẩu, phát triển sản xuất trong nước thay thế hàng nhập khẩu, thông qua việc tận dụng lợi thế về khoa học, công nghệ của các nước đi trước, cùng với việc phát huy nguồn lực và lợi thế trong nước, thu hút nguồn lực từ bên ngoài để tiến hành CNH gắn với HĐH.

**- Tính tất yếu khách quan của CNH, HĐH ở Việt Nam:**

- Là quy luật khách quan của phát triển xã hội.
- Là yêu cầu để tồn tại và phát triển của chế độ xã hội chủ nghĩa.
- Là con đường duy nhất để đưa đất nước thoát khỏi tình trạng lạc hậu.

**- Đặc điểm CNH, HĐH ở Việt Nam:**

- **Tính tất yếu:** Là quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu sang nền kinh tế công nghiệp hiện đại.

- **Tính kế thừa và đổi mới:** Vừa kế thừa những thành tựu đã đạt được, vừa đổi mới để thích ứng với tình hình mới.
- **Tính toàn diện:** Bao gồm nhiều lĩnh vực như công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ, khoa học công nghệ, xã hội...
- **Tính lâu dài:** Là quá trình diễn ra trong nhiều giai đoạn, đòi hỏi sự kiên trì, bền bỉ.

#### - Nội dung CNH, HĐH ở Việt Nam:

+ Một là, tạo lập những điều kiện để có thể thực hiện chuyển đổi từ nền sản xuất - xã hội lạc hậu sang nền sản xuất - xã hội tiên bộ.

+ Hai là, thực hiện các nhiệm vụ để chuyển đổi từ nền sản xuất - xã hội lạc hậu sang nền sản xuất - xã hội tiên bộ:

Đẩy mạnh ứng dụng những thành tựu KHCN mới, hiện đại

Chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, hợp lý và hiệu quả

Từng bước hoàn thiện QHSX phù hợp với trình độ phát triển của LLSX

Sẵn sàng thích ứng với tác động của bối cảnh cách mạng CN lần thứ tư

#### - Hội nhập kinh tế quốc tế:

Khái niệm	Hội nhập kinh tế quốc tế của một quốc gia là quá trình quốc gia đó thực hiện gắn kết nền kinh tế của mình với nền kinh tế thế giới dựa trên sự chia sẻ lợi ích đồng thời tuân thủ các chuẩn mực quốc tế chung.
Tính tất yếu khách quan của việc hội nhập	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <i>Thứ nhất</i>, do xu thế khách quan trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế.</li> <li>• <i>Thứ hai</i>, hội nhập kinh tế quốc tế là phương thức phát triển phổ biến của các nước, nhất là các nước đang và kém phát triển trong điều kiện hiện nay.</li> </ul>
Tác động của Hội nhập đối với Việt Nam	<p><i>Tác động tích cực:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Mở rộng thị trường, tiếp thu khoa học công nghệ, vốn, chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nước.</li> <li>* Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực</li> <li>* Thúc đẩy hội nhập của các lĩnh vực văn hóa, chính trị, củng cố an ninh quốc phòng.</li> </ul>

	<p>Tác động tiêu cực:</p> <p>Gây cạnh tranh gay gắt, khiến doanh nghiệp khó khăn, phá sản, ảnh hưởng kinh tế - xã hội.</p> <p>Tăng phụ thuộc vào thị trường quốc tế, dễ tổn thương trước biến động kinh tế, chính trị.</p> <p>Phân phối lợi ích không công bằng, tăng bất bình đẳng và khoảng cách giàu - nghèo.</p> <p>Chuyển dịch cơ cấu kinh tế bất lợi, tập trung ngành giá trị gia tăng thấp.</p> <p>Thách thức quyền lực Nhà nước, chủ quyền quốc gia, an ninh, trật tự xã hội.</p> <p>Nguy cơ xói mòn bản sắc dân tộc và văn hóa truyền thống.</p> <p>Gia tăng tội phạm xuyên quốc gia, khủng bố, dịch bệnh, nhập cư trái phép.</p>
--	--

- Note:

Các mốc hội nhập kinh tế quốc tế quan trọng giai đoạn đầu:

1. **1995**: Gia nhập **ASEAN**.
2. **1995**: Tham gia **AFTA** (Hiệp định Thương mại tự do ASEAN).
3. **1996**: Gia nhập **ASEM** (Diễn đàn Á - Âu).
4. **1998**: Gia nhập **APEC** (Diễn đàn Hợp tác Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương).
5. **2007**: Gia nhập **WTO** (Tổ chức Thương mại Thế giới).

- Các mô hình CNH:

- 1960 Việt Nam đã áp dụng Mô hình công nghiệp hoá kiểu Liên Xô (cũ) - ưu tiên phát triển ngành sản xuất Công nghiệp nặng, lấy vốn chủ yếu do bóc lột làm thuê
- 1986 CNH theo mô hình kinh tế khép kín, hướng nội, thiên về CN nặng
- Đường lối công nghiệp hóa ở Việt Nam được hình thành từ Đại hội III (9/1960)

- Nhiệm vụ CNH, HĐH Là nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ lên CNXH

- Quá trình thực hiện CNH, HĐH ở Việt Nam đòi hỏi xây dựng và phát triển ngành Công nghiệp SX TLSX

## BÀI TẬP:

1. Trong quá trình sản xuất, hao mòn thiết bị và máy móc là 200.000 đô la, chi phí nguyên liệu, vật liệu và nhiên liệu là 400.000 đô la. Hãy xác định chi phí tư bản khả biến nếu giá trị mỗi sản phẩm là 1.200.000 đô la và tỷ suất bóc lột là 200%.
2. Với 200 công nhân làm việc trong một nhà máy, mỗi công nhân tạo ra giá trị mới là 5 đô la mỗi giờ lao động, tỷ suất bóc lột là 300%. Giá trị sức lao động của mỗi công nhân là 10 đô la mỗi ngày. Nếu giá trị sức lao động không thay đổi và tỷ suất bóc lột tăng lên 50%, hãy tính khối lượng giá trị thặng dư mà nhà tư bản chiếm đoạt trong một ngày.
3. Tư bản đầu tư là 500.000 đô la, trong đó 200.000 đô la vào nhà xưởng, 100.000 đô la vào máy móc và thiết bị. Giá trị nguyên liệu, nhiên liệu và vật liệu phụ gấp 4 lần giá trị sức lao động. Hãy xác định các loại tư bản: tư bản cố định, tư bản lưu động, tư bản bất biến và tư bản khả biến.
4. Tư bản đầu tư 1.000.000 đô la, trong đó 680.000 đô la vào tư liệu sản xuất. Số công nhân là 100 người. Hãy xác định lượng giá trị mới mà mỗi công nhân tạo ra nếu tỷ suất giá trị thặng dư là 200%.

5. Trong 8 giờ, công nhân sản xuất được 20 sản phẩm với tổng giá trị là 80 đô la.  
Hỏi giá trị tổng sản phẩm trong một ngày và giá trị của mỗi sản phẩm nếu năng suất lao động tăng gấp đôi.
  
6. Trong 8 giờ, công nhân sản xuất được 20 sản phẩm với tổng giá trị là 80 đô la.  
Hỏi giá trị tổng sản phẩm trong một ngày và giá trị mỗi sản phẩm nếu cường độ lao động tăng 1,5 lần.
  
7. Ngày làm việc 8 giờ, tỷ suất bóc lột  $m' = 300\%$ . Sau đó, nhà tư bản kéo dài ngày lao động lên 12 giờ. Tỷ suất bóc lột sẽ thay đổi như thế nào nếu giá trị sức lao động không thay đổi?
  
8. Trong một ngày lao động 8 giờ, sản xuất được 20 sản phẩm với tổng giá trị là 200 USD. Hỏi giá trị mỗi sản phẩm là bao nhiêu nếu năng suất lao động tăng gấp đôi?



9. Trong một ngày lao động 8 giờ, sản xuất được 20 sản phẩm với tổng giá trị là 200 USD. Hỏi giá trị mỗi sản phẩm là bao nhiêu nếu cường độ lao động tăng gấp đôi?
10. Có 100 công nhân làm thuê, sản xuất 1.000 sản phẩm trong một tháng với chi phí tư bản bất biến là 500.000 đô la. Giá trị sức lao động của mỗi công nhân trong một tháng là 500 đô la. Tỷ suất bóc lột là 300%. Hãy xác định giá trị của mỗi sản phẩm.
11. Trong một nhà máy có 200 công nhân, mỗi công nhân tạo ra 5 đô la giá trị mới mỗi giờ lao động. Tỷ suất bóc lột là 200%, giá trị sức lao động của mỗi công nhân là 20 đô la mỗi ngày. Hãy tính độ dài ngày lao động.
12. Ngày làm việc 8 giờ, số công nhân là 100 người, tiền lương mỗi công nhân là 10 đô la mỗi ngày. Tỷ suất bóc lột là 300%. Hãy tính khối lượng giá trị thặng dư.

13. Trong quá trình sản xuất sản phẩm, hao mòn thiết bị và máy móc là 50 USD, chi phí nguyên liệu, vật liệu và nhiên liệu là 100 USD. Hãy xác định chi phí tư bản khả biến nếu giá trị mỗi sản phẩm là 300 USD và tỷ suất bóc lột là 200%.
14. Có 100 công nhân làm thuê, sản xuất 500 sản phẩm trong một tháng với chi phí tư bản bất biến là 25.000 USD. Giá trị sức lao động của mỗi công nhân trong một tháng là 250 USD, tỷ suất bóc lột là 200%. Hãy xác định giá trị của mỗi sản phẩm.
15. Ngày lao động là 8 giờ, tỷ suất giá trị thặng dư  $m' = 100\%$ , nhà tư bản tăng ngày lao động lên 1 giờ và giá trị sức lao động tăng 25%. Hãy tính tỷ suất giá trị thặng dư mới.
16. Tư bản ứng trước là 90 USD, trong đó bỏ vào nhà xưởng 40 USD, máy móc và thiết bị 10 USD. Nguyên liệu, nhiên liệu và vật liệu phụ gấp 3 lần giá trị sức lao động. Hãy xác định tổng số tư bản cố định và tư bản lưu động.

17. Tư bản ứng trước là 700 USD, trong đó bỏ vào nhà xưởng 300 USD, máy móc và thiết bị 100 USD. Nguyên liệu, nhiên liệu và vật liệu phụ gấp 4 lần giá trị sức lao động. Hãy xác định tổng số tư bản bất biến và tư bản khả biến.
18. Ban đầu, ngày lao động là 8 giờ,  $m' = 300\%$ . Nếu ngày lao động giảm 2 giờ và giá trị sức lao động không thay đổi, tỷ suất bóc lột sẽ thay đổi như thế nào?
19. Tư bản công nghiệp có quy mô tư bản đầu tư cho sản xuất là 480 triệu đô la, cấu tạo hữu cơ tư bản là  $5/1$  và tỷ suất giá trị thặng dư là  $100\%$ . Nếu không có tư bản thương nghiệp tham gia, lợi nhuận của tư bản công nghiệp sẽ là bao nhiêu?
20. Một nhà tư bản đầu tư: tư bản bất biến là 900 USD, tư bản khả biến là 100 USD, tỷ suất giá trị thặng dư là  $200\%$ . Tính tỷ suất lợi nhuận.

## CÔNG THỨC

Một số công thức:

$$m' = \frac{m}{v} \cdot 100\% \quad , \quad m' = \frac{t'}{t} \cdot 100\% \quad ,$$

$$M = m' \cdot V, \quad p' = \frac{m}{c+v} \cdot 100\% \quad \text{hoặc} \quad p' = \frac{p}{k} \cdot 100\% ,$$

$k = c + v$  (chi phí sản xuất TBCN/Tư bản ứng trước)

$m'$ : trình độ bóc lột của nhà tư bản hay tỷ suất giá trị thặng dư

$M$ : Khối lượng giá trị thặng dư thể hiện quy mô bóc lột của nhà tư bản

- Giá trị mới  $= v + m$
- Giá trị của hàng hoá:  $w = c + v + m$
- Tư bản ứng trước/tư bản đầu tư/ chi phí sản xuất TBCB:  $k = c + v$
- Tư bản bất biến ( $c$ ): tư liệu sản xuất ( $c = c_1 + c_2$ )
- Tư bản khả biến ( $v$ ): tiền lương hay giá trị sức lao động, lao động sống
- Tư bản cố định ( $c_1$ ) gồm: máy móc, thiết bị, nhà xưởng, đất đai, công trình ...
- Tư bản lưu động ( $c_2 + v$ ): nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu phụ và tiền

lương/giá trị sức lao động)

-  $V$ : là tổng tư bản khả biến hay tổng quỹ lương (bằng số tiền lương của 1 công nhân (tính theo giờ, ngày hay tháng tùy thuộc vào bài toán cho) nhân với tổng số công nhân của xí nghiệp).

$p$ : Lợi nhuận của nhà tư bản; Số tiền nhà tư bản thu được sau khi trừ chi phí sản xuất

$p'$ : Tỷ suất lợi nhuận (%); Hiệu quả sử dụng vốn của nhà tư bản/hiệu quả đầu tư

$\overline{p}$  : Lợi nhuận bình quân

$\overline{p'}$  : Tỷ suất lợi nhuận bình quân

$$p' = \frac{m}{c+v} \times 100\%$$

$$p' = \frac{p}{k} \times 100\%$$

- Lợi tức:  $z$   $0 < z < \overline{p}$
- Tỷ suất lợi tức:  $0 < z' < \overline{p'}$
- Cho cấu tạo hữu cơ  $c/v \Rightarrow$  tìm được  $c, v$
- Tính khối lượng tích lũy TB
- Tính giá trị của một đơn vị sản phẩm, tổng giá trị sản phẩm